

# 越南第06:2022/BXD號規範以及第1:2023號修正案

## 有關建築物與建築工程消防安全規定

### QCVN 06:2022/BXD VÀ SỬA ĐỔI 1:2023

### AN TOÀN CHÁY CHO NHÀ VÀ CÔNG TRÌNH

2024年6月於南定省 Nam Định, 6/2024

越南公安部消防暨救災救護總局提供  
駐越南台北經濟文化代表處經濟組翻譯

# NỘI DUNG大綱

- I. 第6號規範簡介 **TỔNG QUAN VỀ QUY CHUẨN 06**
- II. 第1:2023修正案內容摘要(第09/2023/TT-BXD號公告)  
**TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI 1:2023 (TT 09/2023/TT-BXD)**
- III. 有關工業專用建築物之消防安全設計等若干內容  
**MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ THIẾT KẾ AN TOÀN CHÁY CHO NHÀ CÔNG NGHIỆP**
- IV. 評論與建議 **NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ**

# I.第6號規範簡介 TỔNG QUAN VỀ QCVN 06

## 研擬單位 Các đơn vị biên soạn:

- 建設部環境科技司 Vụ KHCHN MT – Bộ XD
- 建設部營造科技院 Viện KHCHN XD (IBST) – Bộ XD
- 公安部消防暨救災救護局 Cục CS PCCC&CNCH – Bộ CA
- 公安部河內公安廳消防警察單位、胡志明市公安廳消防警察(自從第1次修正案參與)CS PCCC – Công an Hà Nội và CA TPHCM – Bộ CA (kể từ Sửa đổi 1)

**現行規範：**第09/2023/TT-BXD號公告附上之越南第06:2022/BXD 號規範與第1:2023號修正案

**Quy chuẩn hiện hành:** SỬA ĐỔI 1:2023 QCVN 06:2022/BXD ban hành kèm TT 09/2023/TT-BXD

# I.第6號規範簡介 TỔNG QUAN VỀ QCVN 06



# I.第6號規範簡介 TÔNG QUAN VỀ QCVN 06

## 主要内容 Nội dung cơ bản của QC 06

總則 Quy định chung

火災技術分類系統  
Hệ thống phân loại kỹ thuật về cháy

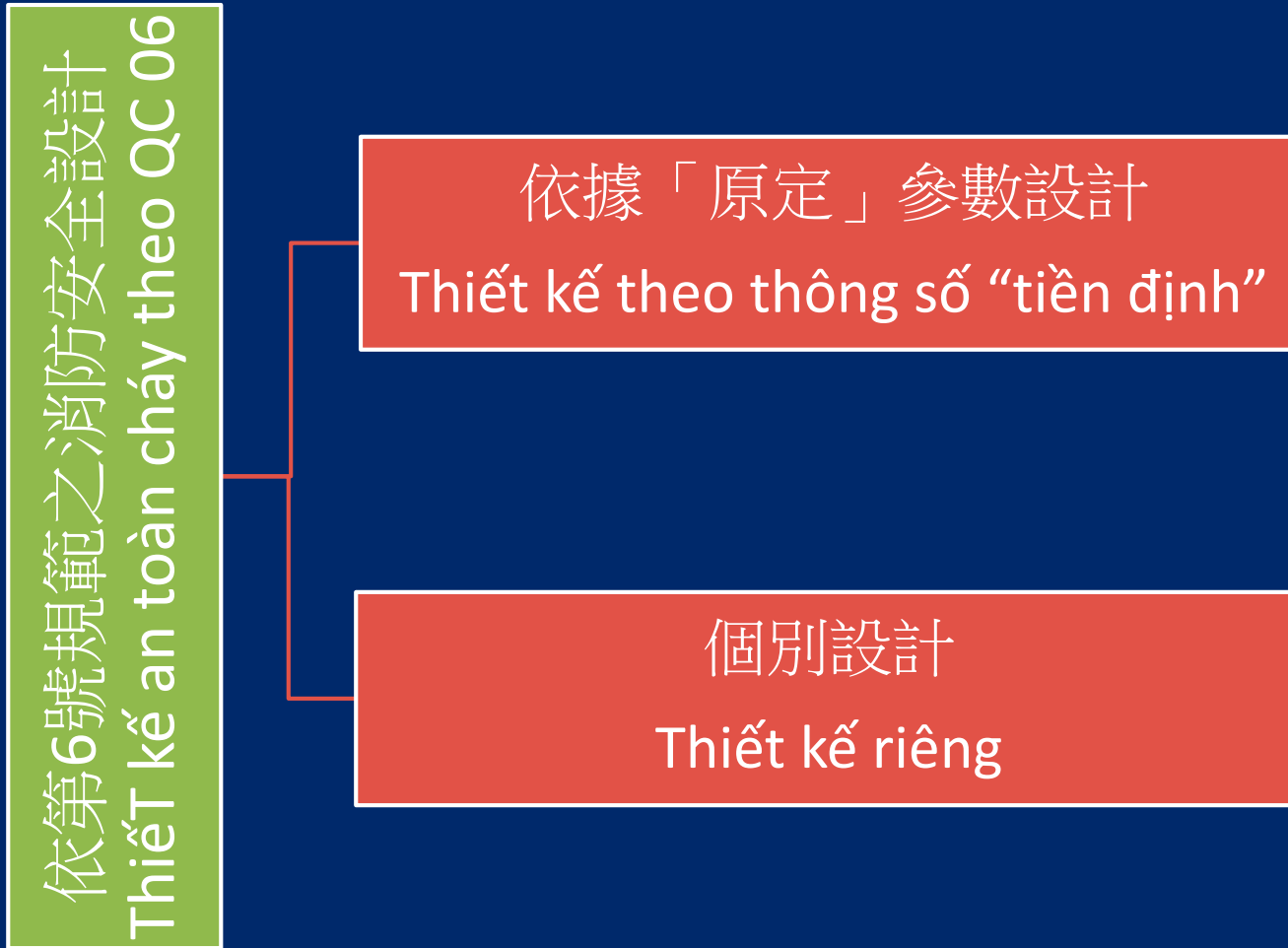
人的生命安全保障  
Bảo đảm an toàn cho người

防止火災蔓延  
Ngăn chặn cháy lan

滅火供水  
Cấp nước chữa cháy

滅火與急難救助  
Chữa cháy và cứu nạn

# I.第6號規範簡介 TỔNG QUAN VỀ QCVN 06



# I.1 總則 Quy định chung



# I.1 總則 Quy định chung

本規範規定 Quy chuẩn này quy định:

a) 有關房間、防火分區、房子與建築工程(防火分區、房子以及建築工程，以下簡稱為建築物)；

Các yêu cầu chung về an toàn cháy cho gian phòng, khoang cháy, nhà và các công trình xây dựng (khoang cháy, nhà và các công trình xây dựng sau đây gọi chung là nhà);

b) 針對建材、建築構件、建築物部位、以及建築物所訂之消防技術分類

Phân loại kỹ thuật về cháy cho vật liệu xây dựng, cấu kiện xây dựng, các phần và bộ phận của nhà, và nhà.



# I.1 總則 Quy định chung

本規範適用於下列建築物 **Quy chuẩn này áp dụng đối với các nhà sau:**

a)住宅 Nhà ở:

- 1) 消防高度不超過150公尺且不超過3層地下層之公寓大樓與傳統無電梯公寓 Chung cư và nhà ở tập thể có chiều cao PCCC không quá 150 m và không quá 3 tầng hầm;
- 2) 7層樓以上(或是消防高度25公尺以上)、或是體積5千立方公尺以上、或是設有1層地下層以上至3層地下層之住宿獨棟房子、住宿結合其他使用目的之獨棟房子、已轉換使用目的之住宿獨棟房子Nhà ở riêng lẻ, nhà ở riêng lẻ có kết hợp mục đích sử dụng khác và nhà ở riêng lẻ được chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác cao từ 7 tầng trở lên (hoặc có chiều cao PCCC từ 25 m trở lên); hoặc có khối tích từ 5 000 m<sup>3</sup> trở lên; hoặc có nhiều hơn 1 tầng hầm đến 3 tầng hầm.

b) 消防高度至150公尺且不超過3層地下層之公共建築物(作為祭拜、信仰之用的建築工程、遺跡工程除外)、設有看台之室外運動場(運動場、訓練場、體育比賽場地及類似工程)Các nhà công cộng có chiều cao PCCC đến 150 m và không quá 3 tầng hầm (trừ các công trình trực tiếp sử dụng làm nơi thờ cúng, tín ngưỡng; các công trình di tích); các loại sân thể thao ngoài trời có khán đài (sân vận động, sân tập luyện, thi đấu thể thao và tương tự);

c)消防高度至50公尺且不超過1層地下層之生產廠房、倉庫 Các nhà sản xuất, nhà kho có chiều cao PCCC đến 50 m và không quá 1 tầng hầm;

d)消防高度至50公尺且不超過1層地下層之技術基礎設施供應之建築物Các nhà cung cấp cơ sở, tiện ích hạ tầng kỹ thuật có chiều cao PCCC đến 50 m và không quá 1 tầng hầm;

e)消防高度至50公尺且不超過3層地下層之交通運輸專用建築物Các nhà phục vụ giao thông vận tải có chiều cao PCCC đến 50 m và không quá 3 tầng hầm;

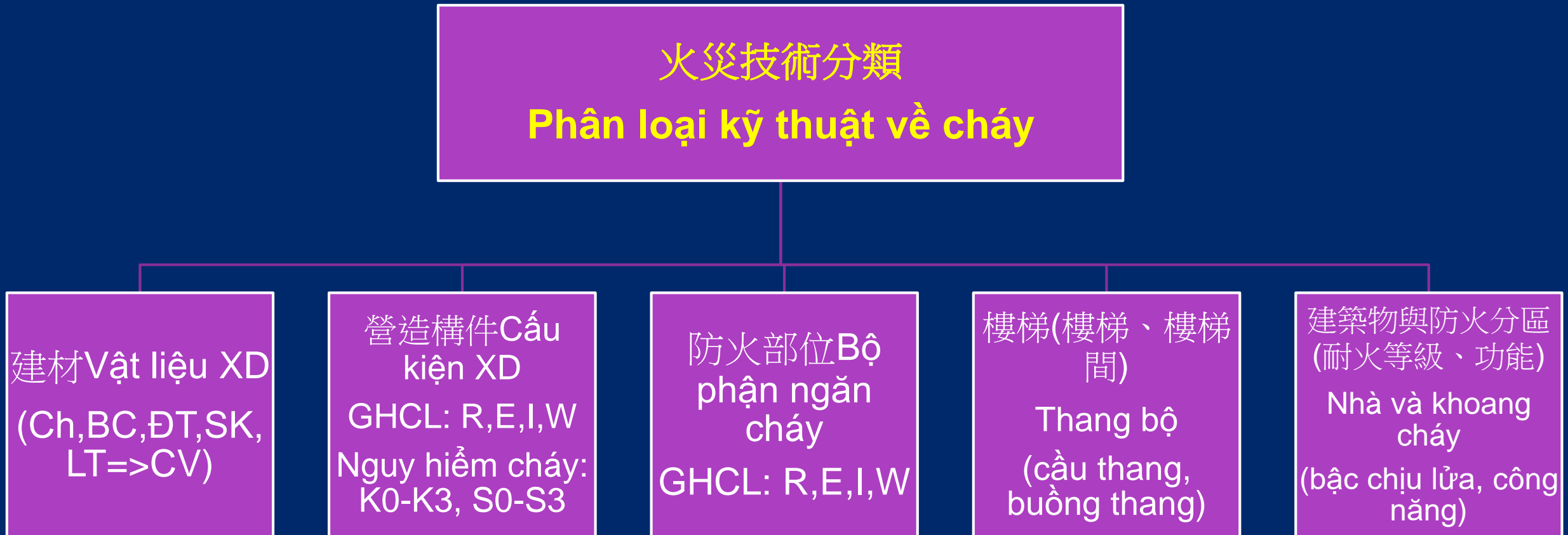
f) 農業暨農村發展專用建築物(育苗室、溫室及類似建築物除外)Các nhà phục vụ nông nghiệp và phát triển nông thôn (trừ nhà ương, nhà kính trồng cây và tương tự).

本規範未適用於具有特殊功能之建築物Quy chuẩn này không áp dụng cho các nhà có công năng đặc biệt.

# I.2 火災技術分類系統 HỆ THỐNG PHÂN LOẠI KỸ THUẬT VỀ CHÁY

目的：制定詳細分類系統，俾作為按不同建築工程之實際條件來訂定不同消防安全要求之依據

Mục đích: thiết lập hệ thống phân loại chi tiết, là cơ sở để quy định các yêu cầu an toàn cháy khác nhau tùy thuộc điều kiện cụ thể của công trình.



## I.2 按功能別之火災風險組別 NHÓM NGUY HIỂM CHÁY THEO CÔNG NĂNG

**建築物：**常有許多不同功能 **Nhà:** thường gồm nhiều công năng khác nhau.

消防安全要求要與功能相符，不僅涉及建築物、案件名稱 Các yêu cầu an toàn cháy luôn luôn được gắn với **CÔNG NĂNG**, không gắn với tên nhà, dự án.

- 依據規範規定進行按功能分隔-對每一個功能適用相應規定 Có ngăn cách các công năng theo quy định QC – áp dụng quy định tương ứng với từng công năng;
- 功能間無分隔-依有最高要求之功能適用 Không ngăn cách công năng – áp dụng theo công năng có yêu cầu cao nhất.
- 倘共用樓梯、走廊-依有最高要求之功能 Nếu sử dụng chung thang, hành lang – theo công năng yêu cầu cao nhất

### III. 建築物與防火分區 **NHÀ VÀ KHOANG CHÁY**

按功能別之火災風險組別：5個大組別、21個小組別 **Nhóm nguy hiểm cháy theo công năng: 5 nhóm lớn, 21 nhóm nhỏ.**

組別 Nhóm	使用目的 <b>Mục đích sử dụng</b>	使用特徵 <b>Đặc điểm sử dụng</b>
<b>F1</b>	常住或暫時居留之住宅 <b>Nhà để ở thường xuyên hoặc tạm thời (trong đó có cả để ở suốt ngày đêm)</b>	此類建築物之各間房間白天與黑夜常使用。住的人可能有不同年齡、以及體質不同 此類建築物之特徵係設有臥室 <b>Các gian phòng trong nhà này thường được sử dụng cả ngày và đêm. Nhóm người trong đó có thể gồm nhiều lứa tuổi và trạng thái thể chất khác nhau. Đặc trưng của các nhà này là có các phòng ngủ.</b>
<b>F2</b>	文化、體育單位之建築物 <b>Nhà của các cơ sở văn hoá, thể thao</b>	此類建築物之主要房間常有很多人在一定時間內集合 <b>Các gian phòng chính trong các nhà này được đặc trưng bởi số lượng lớn khách lưu lại trong một khoảng thời gian nhất định.</b>
<b>F3</b>	商業、經營、以及居民服務等單位之建築物 <b>Nhà của các cơ sở thương mại, kinh doanh và dịch vụ dân cư</b>	此類建築物之各間房間的客人人數往往比服務員人數多 <b>Các gian phòng của các nhà này được đặc trưng bởi số lượng khách lớn hơn so với nhân viên phục vụ.</b>
<b>F4</b>	教育培訓建築工程、辦公、科研與設計機構、管理機關等大樓 <b>Các công trình giáo dục, đào tạo, trụ sở làm việc, tổ chức khoa học, nghiên cứu và thiết kế, cơ quan quản lý</b>	此類建築物之各間房間常在日內定時間有人使用，房裡常有習慣所在條件、有確定之年齡與體質之固定人群 <b>Các gian phòng trong các nhà này được sử dụng một số thời gian nhất định trong ngày, bên trong phòng thường có nhóm người cố định, quen với điều kiện tại chỗ, có độ tuổi và trạng thái thể chất xác định.</b>
<b>F5</b>	具生產與倉庫功能之建築物、建築工程、房間 <b>Các nhà, công trình, gian phòng có công năng sản xuất và kho</b>	此類建築物之各間房間常有白天黑夜工作之固定工作人群，火災風險一般高於其他建築物類別 <b>Các gian phòng trong các nhà này được đặc trưng bởi sự có mặt của nhóm người làm việc cố định, kể cả làm việc suốt ngày đêm. Có tính nguy hiểm cháy thông thường cao hơn các nhóm nhà khác.</b>

### III. 建築物與防火分區 NHÀ VÀ KHOANG CHÁY

按功能別之火災風險組別：5個大組別、21個小組別 **Nhóm nguy hiểm cháy theo công năng: 5 nhóm lớn, 21 nhóm nhỏ.**

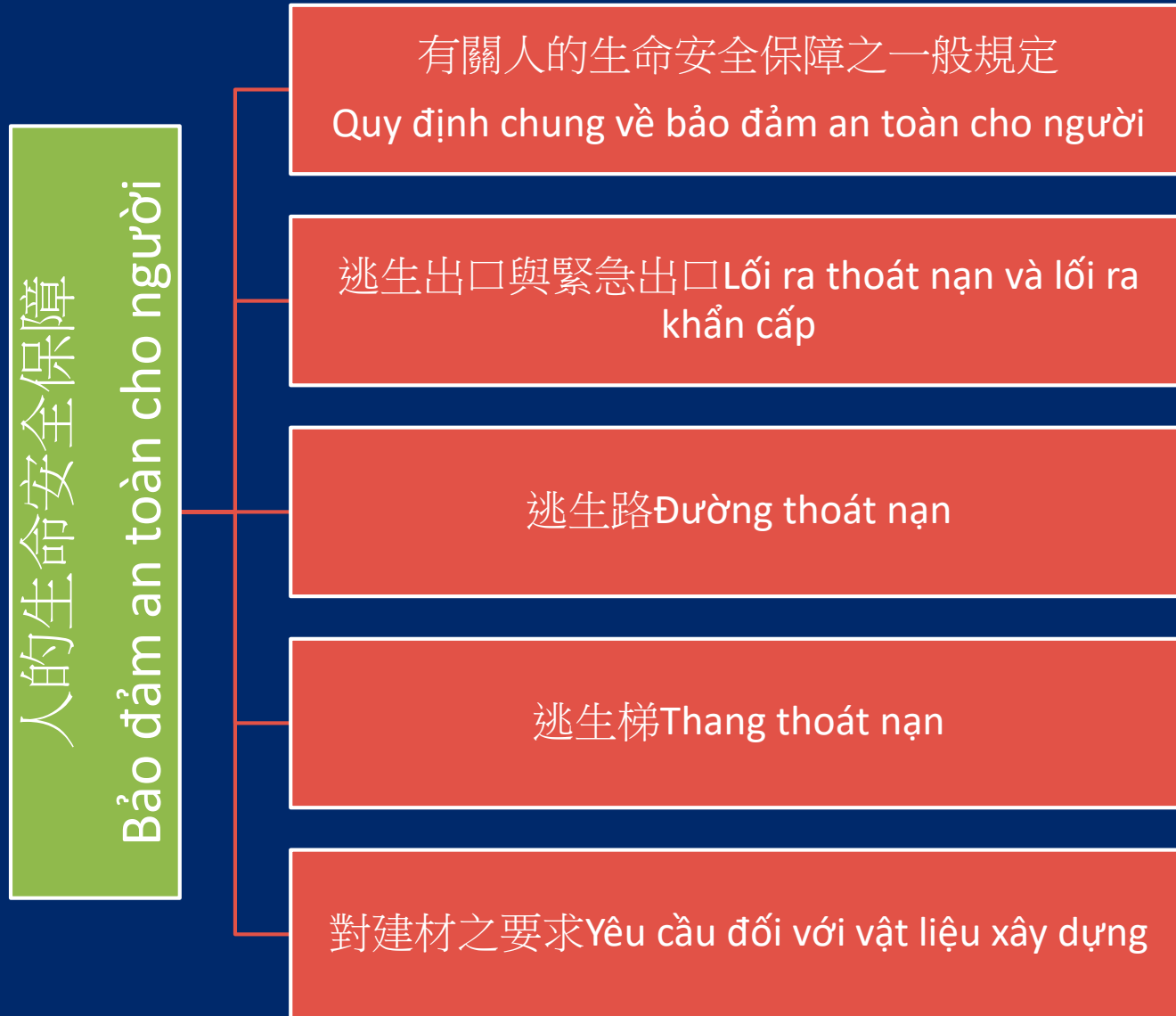
組別 Nhóm	使用目的 Mục đích sử dụng	使用特徵 Đặc điểm sử dụng
F1	常住或暫時居留之住宅 <b>Nhà để ở thường xuyên hoặc tạm thời (trong đó có cả để ở suốt ngày đêm)</b>	此種建築物之各間房間白天與黑夜常使用。住的人可能有不同年齡、以及體質不同。此類建築物之特徵係設有臥室 <b>Các gian phòng trong nhà này thường được sử dụng cả ngày và đêm. Nhóm người trong đó có thể gồm nhiều lứa tuổi và trạng thái thể chất khác nhau. Đặc trưng của các nhà này là có các phòng ngủ.</b>
F1.1	幼稚園、醫院、養老院 <b>Nhà trẻ, bệnh viện, nhà dưỡng lão ...</b>	住的人之體質、心理以及走動能力弱於其他組別 <b>Người trong nhà có thể chất, tâm lý và khả năng di chuyển kém hơn các nhóm khác</b>
F1.2	飯店、旅館、宿舍 <b>Khách sạn, nhà nghỉ, ký túc xá, ...</b>	使用者體質正常、短期間居留、不熟悉建築物、無個別廚房 <b>Người sử dụng bình thường, lưu trú ngắn hạn, không quen thuộc với nhà, không có bếp riêng.</b>
F1.3	公寓、以及具有類似使用特徵之住宅 <b>Nhà chung cư; và các nhà có đặc điểm sử dụng tương tự.</b>	使用者體質正常、長期居住、熟悉建築物、有個別廚房 <b>Người sử dụng bình thường, lưu trú dài hạn, quen thuộc với nhà, có bếp riêng.</b>
F1.4	住宿之獨棟房子、以及具有類似使用特徵之房子 <b>Nhà ở riêng lẻ; và các nhà có đặc điểm tương tự.</b>	少人 <b>Ít người.</b>

## I.3 按功能別之 火災風險組別 NHÓM NGUY HIỂM CHÁY THEO CÔNG NĂNG

### 有關功能之評論 NHẬN XÉT VỀ CÔNG NĂNG

- 消防安全要求要與功能相符，不僅涉及建築物、案件等名稱  
Các yêu cầu an toàn cháy luôn luôn được gắn với **CÔNG NĂNG**, không gắn với tên nhà, dự án.
- 自最小面積之房間至建築物部位、防火方區、以及整個建築物確認消防安全要求  
Xác định các yêu cầu an toàn cháy từ đơn vị nhỏ nhất là gian phòng, đến phần nhà, khoang cháy, và nhà tổng thể.
- 每一個功能應依規定分隔。倘不分格者，則依有最高要求之功能適用  
Mỗi công năng cần được ngăn cách theo quy định. Nếu không ngăn cách thì lấy theo công năng có yêu cầu cao nhất.

# I.3 人的生命安全保障 BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO NGƯỜI





## 避難設計原理

### NGUYÊN LÝ THIẾT KẾ THOÁT NẠN

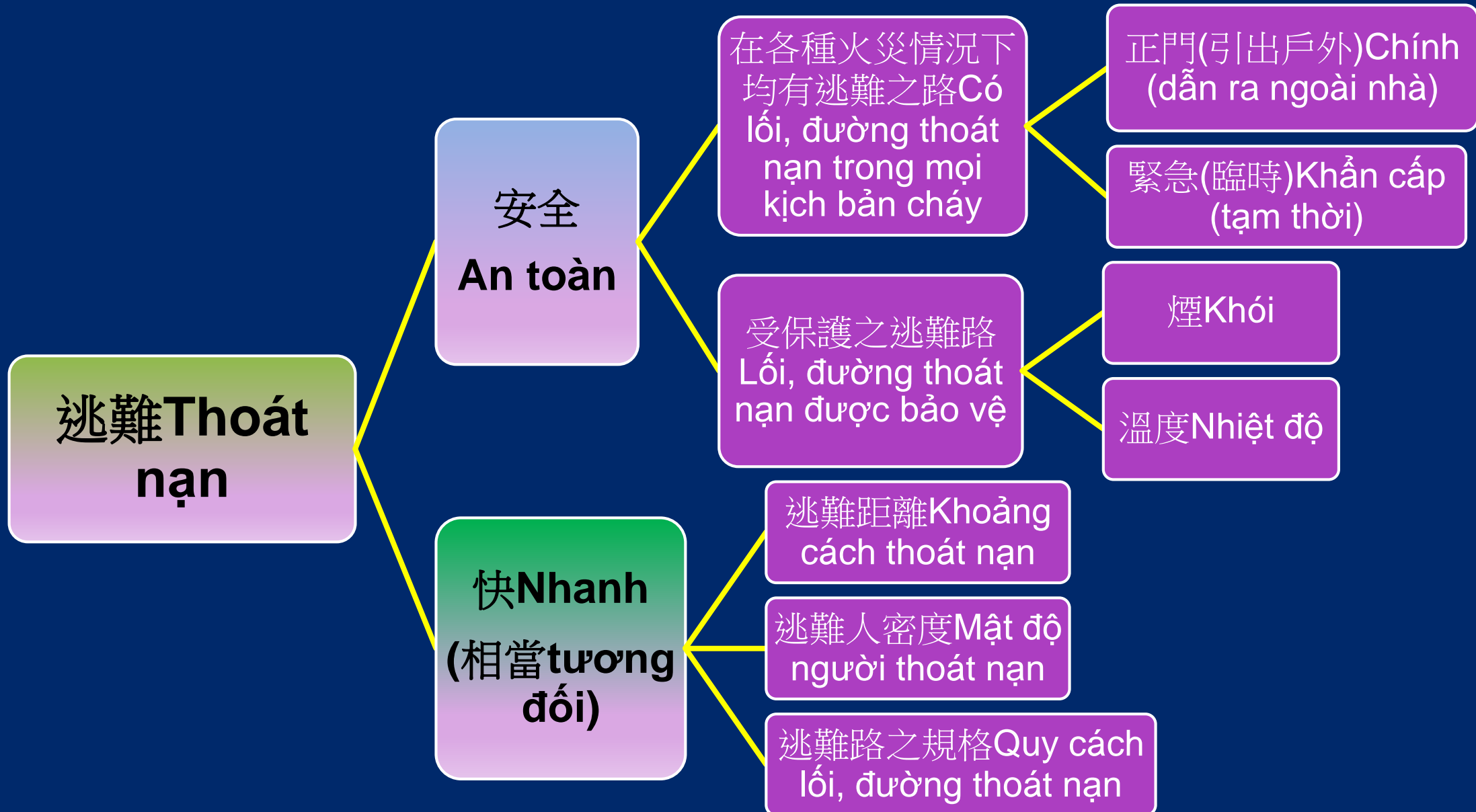
# 1.3 確保人質安全

## BẢO ĐẢM AN TOÀN CHO NGƯỜI

- 確保人的安全，可在出現對人之健康及安全造成危機前可從家中逃出 **Đảm bảo an toàn cho người** (không phụ thuộc vào lứa tuổi và sức khỏe) có thể từ trong nhà **thoát nạn ra ngoài trước khi xuất hiện nguy cơ** đe dọa tính mạng và sức khỏe;
- 假設火場可封鎖2門之一，一般需有2個逃難門，**Thông thường, yêu cầu hai lối thoát nạn, với giả thiết đám cháy CÓ THỂ phong tỏa một trong hai lối.**



## I.2 逃難THOÁT NẠN



## I.2 逃難THOÁT NẠN

---

### 使用之建材Vật liệu hoàn thiện

#### 3種選擇 03 lựa chọn:

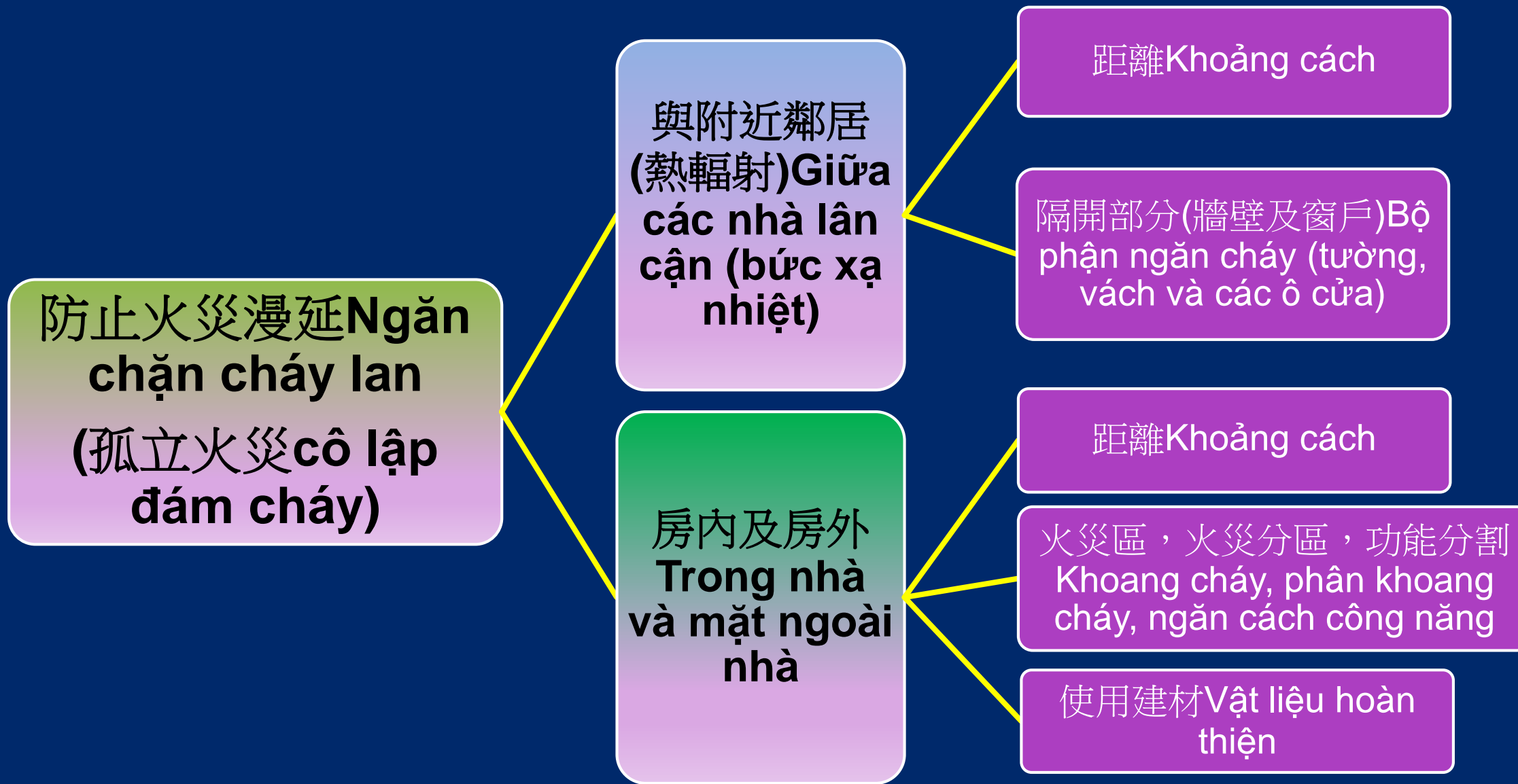
- 1) 遵守建材各技術特性(第二部分及附錄B) Tuân thủ đầy đủ các đặc tính kỹ thuật về cháy của vật liệu (phần 2 và Phụ lục B);
- 2) 降一級建材燃燒危險度或不要求(有sprinkler)Giảm một cấp nguy hiểm cháy của vật liệu hoặc không yêu cầu (có sprinkler);
- 3) 不要求(包圍房間，自動火災警報)Không yêu cầu (bao che gian phòng, báo cháy tự động).

## I.3 防止火災漫延 **NGĂN CHẶN CHÁY LAN**

### 防止火災漫延之設計原理 **NGUYÊN LÝ THIẾT KẾ NGĂN CHẶN CHÁY LAN**

- 實際上是在有目的之設計在一定之空間孤立火及煙，假設火災在房子內某個地方發生。 Bản chất là **cô lập đám cháy và khói trong một không gian hạn chế đã được thiết kế có chủ đích**. Đám cháy được giả thiết có thể xảy ra ở một vị trí nào đó trong nhà.
- 防止火災漫延之設計原理: 多層孤立火災,自較小空間為房間至火災區，至整個房子 Nguyên lý thiết kế ngăn cháy lan là: cô lập đám cháy bởi nhiều lớp, từ quy mô nhỏ là gian phòng, đến khoang cháy, đến cả nhà.
- 目的:做出安全逃身之路，為消防工作提供順利條件，減少財產損害 Mục đích: tạo đường thoát nạn an toàn cho người; tạo điều kiện cho chữa cháy; hạn chế thiệt hại tài sản.

## I.3 防止火災漫延 **NGĂN CHẶN CHÁY LAN**



## I.3 防止火災漫延 **NGĂN CHẶN CHÁY LAN**

### 火災區是甚麼 **Khoang cháy là gì?**

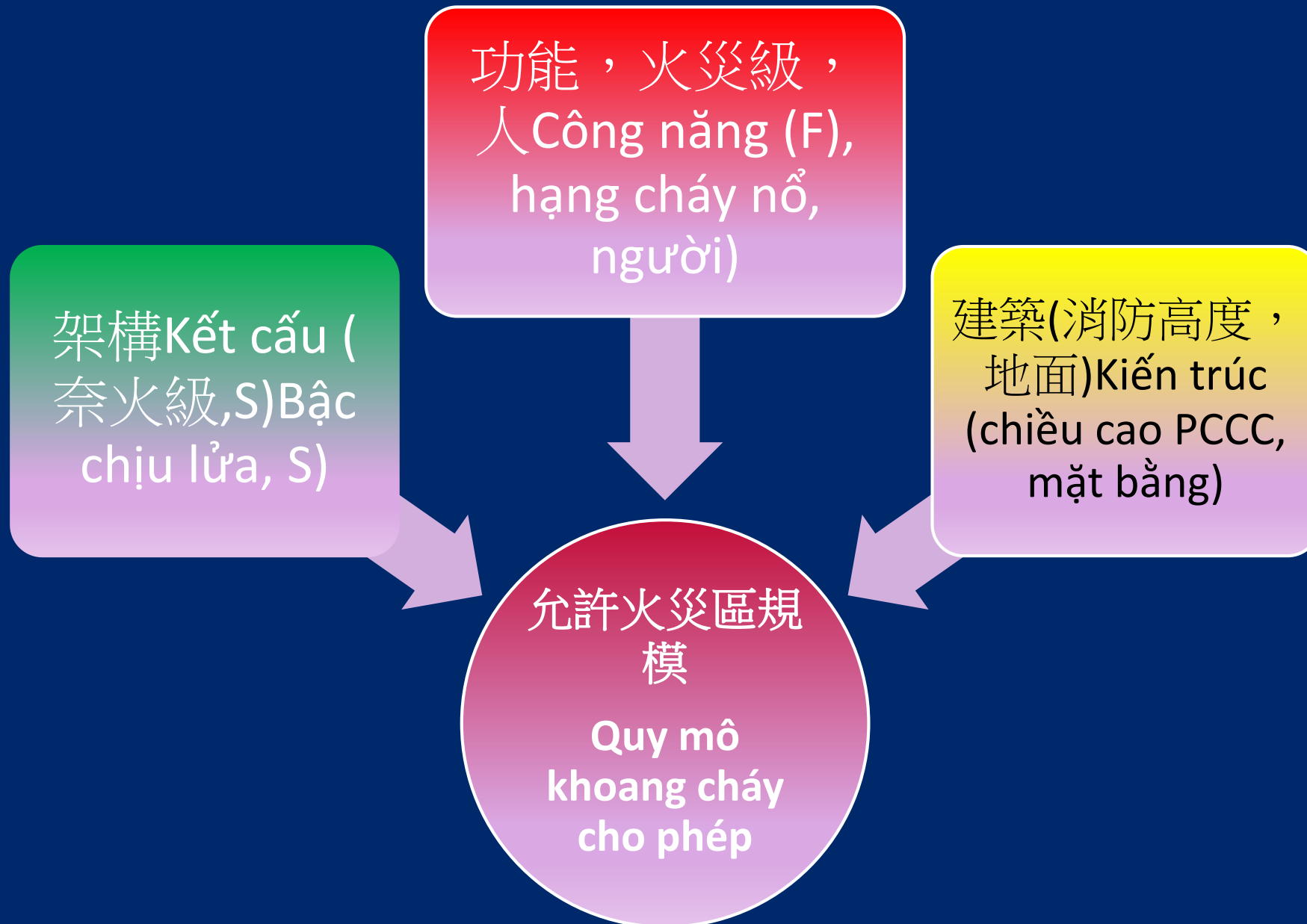
是房子一部分，使用鎗火牆及(或)防火地板或房或屋頂分割，使用之分割建材可確保火災不會蔓延至火災區外。 Một phần của nhà, được ngăn cách bởi các tường ngăn cháy và (hoặc) sàn ngăn cháy hoặc mái ngăn cháy, với giới hạn chịu lửa của các kết cấu ngăn chia **bảo đảm việc đám cháy không lan ra ngoài khoang cháy** trong suốt thời gian đám cháy.

特殊情況:火災區可使用空之空間(無可燃燒料)來分割，並有擋煙措施(例如:擋煙帳) **Trường hợp đặc thù:** Khoang cháy có thể được ngăn chia bằng các không gian trống (không có chất cháy) xung quanh và có giải pháp ngăn khói (ví dụ, màn ngăn khói).

### 火災區之意義 **Ý nghĩa khoang cháy**

在主動限制中間內孤立火和煙，是防止火災漫延之主要方法，在多國之消防標準中規定(如美國、俄國、中國、英國及新加坡等國家) **Cô lập đám cháy và khói trong một không gian được chủ đích hạn chế trước.** Là giải pháp chủ chốt để ngăn cháy lan, luôn cần thiết trong hầu hết trường hợp. Và có quy định trong nhiều TC an toàn cháy trên thế giới (Mỹ, Nga, TQ, Anh, Sing, ...).

## I.3 防止火災漫延 NGĂN CHẶN CHÁY LAN

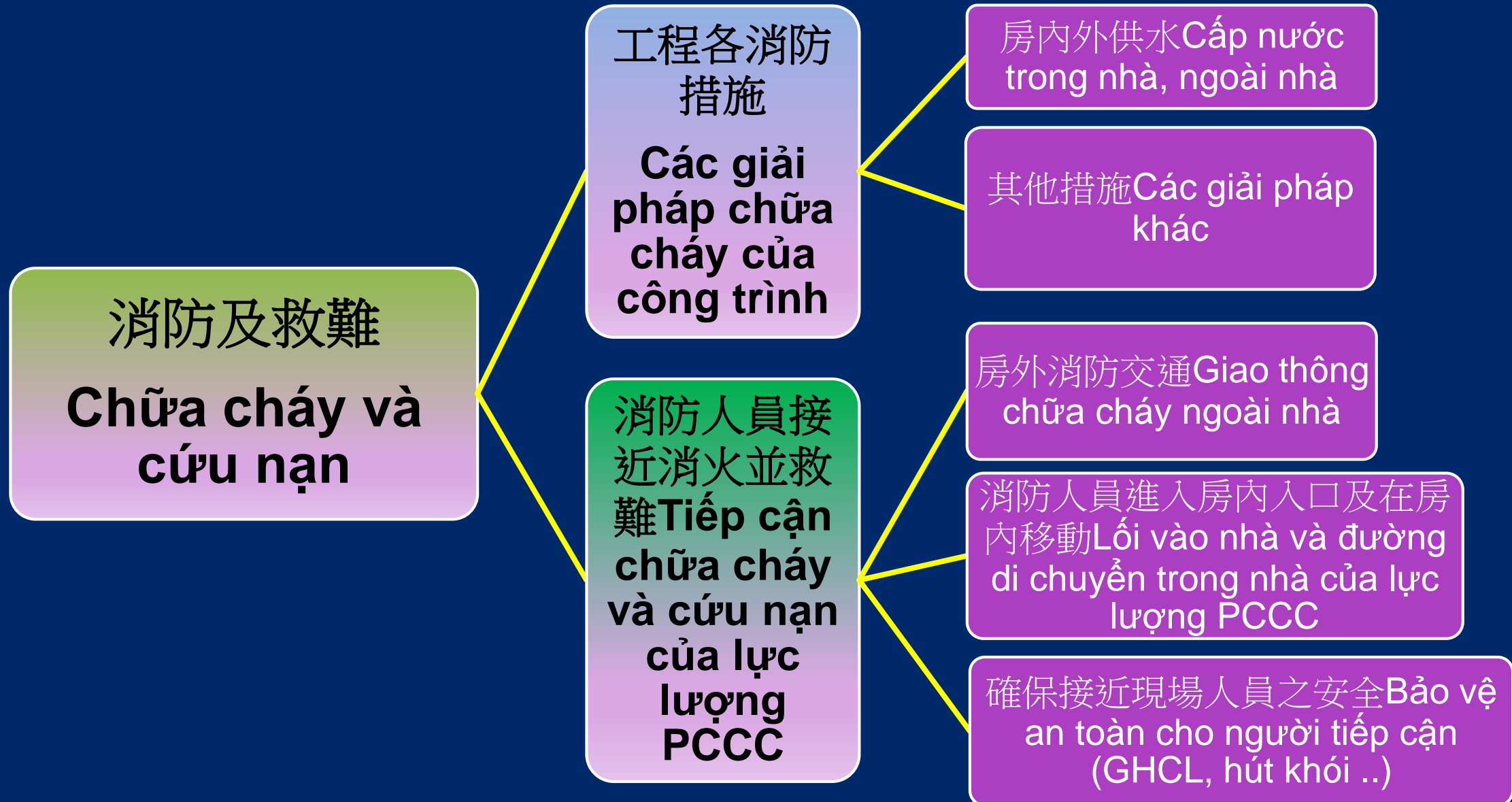


## I.4 消防及救難 CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN

### 消防及救難之設計原理 NGUYÊN LÝ THIẾT KẾ PHỤC VỤ CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN

- 目的為主動創造出順利條件讓消防人員可安全接近火場並執行各消防、救人及財產等措施。 Bản chất là **CHỦ ĐÍCH tạo ra các điều kiện** để Lực lượng và phương tiện chữa cháy có thể **an toàn** tiếp cận đám cháy và thực hiện các biện pháp chữa cháy, cứu người và tài sản.

## I.4 消防及救難 CHỮA CHÁY VÀ CỨU NẠN





## I.5 地一部分總結TỔNG KẾT PHẦN I

- 第6號標準(QCVN06 )之目標: (1) 逃難; (2) 防止火災(煙)漫延 (3) 消火及救難 (4) 降低財產損害Mục tiêu tổng quát của QCVN 06 : (1) Thoát nạn; (2) Ngăn cháy lan (khói lan); (3) Chữa cháy và cứu nạn; (4) Hạn chế thiệt hại tài sản.
- 火災技術分類系統為對不同對象、不同消防安全要求做出規定之基礎  
Hệ thống phân loại kỹ thuật về cháy là **nền móng** để quy định các yêu cầu an toàn cháy khác nhau với các đối tượng khác nhau.
- 對方消安全及設計原理充分了解為正確設計之重要基礎=> 確保以合理成本依規定確保安全 Hiểu đúng ý nghĩa của các yêu cầu an toàn cháy và nguyên lý thiết kế là cơ sở quan trọng để thiết kế đúng => đảm bảo an toàn trong khuôn khổ quy định với chi phí hợp lý.

## II. 修正1:2023內容摘要

# TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI 1:2023

### 1. 修正適用範圍Điều chỉnh phạm vi áp dụng:

- a) 獨棟住宅、獨棟住宅與其他使用目的及轉換使用目的之獨棟住宅，規模如下Nhà ở riêng lẻ, nhà ở riêng lẻ có kết hợp mục đích sử dụng khác và nhà ở riêng lẻ được chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác có quy mô như sau:
- ✓ 7層以上(或消防高度25公尺以上)cao từ 7 tầng trở lên (hoặc có chiều cao PCCC từ 25 m trở lên);
  - ✓ 或體積5000立方米以上hoặc có khối tích từ 5 000 m<sup>3</sup> trở lên;
  - ✓ 或1層地下室以上至3層地下室hoặc có nhiều hơn 1 tầng hầm đến 3 tầng hầm.
- b) 對於不受第6號標準限制之工程:倘開發商申請並獲得消防警察單位獲准，可適用標準Đối với các công trình không thuộc phạm vi của QC 06: có thể áp dụng QC khi CĐT đề nghị và cơ quan CS PCCC có thẩm quyền chấp thuận.

## II. 修正1:2023內容摘要

### TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI 1:2023

2. 對各地方政府明確規定權責並給予更多權力頒布代替第6號標準要求之規定，符合各地方具體條件(但仍須遵守第6號標準規定之消防技術分類系統)**Phân cấp mạnh hơn và rõ hơn cho các địa phương về quyền ban hành các quy định thay thế cho các yêu cầu của QC 06** (nhưng vẫn phải tuân thủ một nền móng chung là hệ thống phân loại kỹ thuật về cháy của QC, để các quy định có thể khác nhau về con số nhưng chung gốc), phù hợp với điều kiện cụ thể tại địa phương, theo đúng chỉ đạo của Chính phủ về việc phân cấp cho các địa phương.

## II. 修正1:2023內容摘要

# TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SỬA ĐỔI 1:2023

3. 補充法律及技術之規定，文獻資料，評估標準讓設計師可依照工程具體之情況設計消防安全(技術論證)。可同時使用國外之標準而不須對照第6號標準之內容。

Bổ sung các quy định về pháp lý và kỹ thuật, các tài liệu viện dẫn, tiêu chí đánh giá để người thiết kế có thể thiết kế an toàn cháy gắn với điều kiện cụ thể của công trình (luận chứng kỹ thuật). Được áp dụng đồng bộ các TC nước ngoài mà không phải đối chiếu với QC 06.

4. 修正: : 縮小範圍，與修正之第136號議定配套 **Cải tạo sửa chữa** thu hẹp phạm vi, đồng bộ với NĐ 136 sửa đổi.

5. 關於逃難、防止火災漫延、消防、架構、保護防止煙、火災區及層樓數..... 根據火災危險性及越南建設實況補充具體要求，惟不可降低核心之安全要求。 **Các nội dung kỹ thuật khác về thoát nạn, ngăn cháy lan, chữa cháy, kết cấu, bảo vệ chống khói, khoang cháy và số tầng cao ...: Bổ sung thêm các yêu cầu cụ thể** gắn với các đối tượng theo tính nguy hiểm cháy và thực tiễn xây dựng ở VN, **trên nguyên tắc là không hạ thấp các yêu cầu an toàn cốt lõi.**

## II. 檢視內容之摘要 TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SOÁT XÉT

STT	預定將修正之內容 Các nội dung dự kiến sửa đổi	修正內容之摘要 Tóm tắt nội dung sửa đổi
I	第一部分:綜合規定 Phần 1. Quy định chung	
1	受第6號標準(QC06)之住宅及工程對 tượng nhà và công trình thuộc phạm vi điều chỉnh của QC 06	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ (如第27頁內容)</li> <li>✓ Nhà ở riêng lẻ, nhà ở riêng lẻ có kết hợp mục đích sử dụng khác và nhà ở riêng lẻ được chuyển đổi sang mục đích sử dụng khác có quy mô như sau: <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ cao từ 7 tầng trở lên (hoặc có chiều cao PCCC từ 25 m trở lên);</li> <li>▪ hoặc có khối tích từ 5 000 m<sup>3</sup> trở lên;</li> <li>▪ hoặc có nhiều hơn 1 tầng hầm đến 3 tầng hầm.</li> </ul> </li> <li>✓ Đối với các công trình không thuộc phạm vi của QC 06: có thể áp dụng QC khi CĐT đề nghị và cơ quan CS PCCC có thẩm quyền chấp thuận.</li> </ul>
2	1.1.4 改造維修 Cải tạo sửa chữa	釐清、縮小範圍，與修正之第136號議定規定配套 Làm rõ hơn, thu hẹp phạm vi, theo hướng đồng bộ với các quy định của Nghị định 136/NĐ-CP sửa đổi
3	1.1.7 有關適用國外之標準 Về việc áp dụng TC nước ngoài	允許適用國外標準而不須對照第06號標準內容 Cho phép áp dụng đồng bộ TC nước ngoài mà không phải so sánh với QC 06
4	1.1.10 技術論證 Về luận chứng kỹ thuật	釐清技術論證之內涵 Làm rõ nội hàm của luận chứng kỹ thuật. 建議書面請示建設部意見時減少需透過之窗口 Đề xuất giảm đầu mối phải gửi văn bản xin ý kiến (Bộ XD)

## II. 檢視內容之摘要 TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SOÁT XÉT

STT	預定將修正之內容 Các nội dung dự kiến sửa đổi	修正內容之摘要 Tóm tắt nội dung sửa đổi
I	第一部分:綜合規定 Phần 1. Quy định chung	
5	1.1.11 授權予各地方頒布消防相關規定 Phân cấp cho địa phương ban hành quy định về PCCC	<p>允許依照地方實際情況及權責範圍 <b>取代標準之要求</b> Cho phép <b>thay thế</b> các yêu cầu của QC tùy theo thực tiễn tại địa phương và thẩm quyền theo phân cấp.</p> <p>取代方式:地方技術標準(法律已規定並具法律依據以執行) Hình thức thay thế: Quy chuẩn kỹ thuật địa phương (đã được luật hóa và có đủ căn cứ pháp lý để thực hiện)</p>
6	術語、定義 Thuật ngữ, định nghĩa	<p>補充或修正各術語 Bổ sung hoặc sửa đổi các thuật ngữ:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>✓ 共用房間 Gian phòng chung</li> <li>✓ 側邊走廊 Hành lang bên</li> <li>✓ 直接引出之出口 Lối ra ngoài trực tiếp</li> <li>✓ 多功能房子 Nhà hỗn hợp</li> <li>✓ 依照功能設計 Thiết kế theo công năng</li> <li>✓ 使用建材、裝潢建材 Vật liệu hoàn thiện, trang trí</li> <li>✓ .....</li> </ul>

## II. 檢視內容之摘要 TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SOÁT XÉT

STT	預定將修正之內容 Các nội dung dự kiến sửa đổi	修正內容之摘要 Tóm tắt nội dung sửa đổi
I	第一部分:綜合規定 Phần 1. Quy định chung	
7	1.5.4 依功能設計 Thiết kế theo công năng	釐清各設計標準，模仿火災之原則 Làm rõ các tiêu chí thiết kế, nguyên tắc thực hiện mô phỏng cháy
8	1.5.5 多功能房子消防安全適用原則 Nguyên tắc áp dụng yêu cầu an toàn cháy cho nhà hỗn hợp	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ 功能分割:對逐一功能適用消防安全要求 Ngăn cách công năng: áp dụng yêu cầu an toàn cháy cho từng công năng.</li> <li>✓ 功能不分割:以最高功能要求適用 Không ngăn cách: áp dụng theo công năng có yêu cầu cao nhất.</li> <li>✓ 主要功能及輔助功能之區別 Phân biệt công năng chính, công năng phụ trợ.</li> </ul>



# III. 審查內容摘要

## TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SOÁT XÉT

STT序 號	Các nội dung dự kiến sửa đổi 擬修正內容	Tóm tắt nội dung sửa đổi 修正內容摘要
II	第2部分：火災技術分類 Phần 2. Phân loại kỹ thuật về cháy	
	Bảng 4 – bậc chịu lửa của nhà 第4表-房屋耐火等級	第4表說明、補充若干措施：Làm rõ, bổ sung một số giải pháp cho bảng 4: 依據實際火災荷載設計波紋鐵皮屋頂、外牆。 mái tôn, tường ngoài, thiết kế dựa trên tải trọng cháy thực tế. 在使用樓梯時撤除樓梯保護之要求Bỏ yêu cầu bảo vệ bản thang khi đã nằm trong buồng thang bộ



# III. 審查內容摘要

## TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SOÁT XÉT

III	第3部分；確保人身安全Phần 3. Bảo đảm an toàn cho người	
1	逃脫Thoát nạn:	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ 補充具體要求(3.2.6.2)，對不同建築物准許使用1個樓梯。補充其他火災安全要求，取代 sprinkler。Bổ sung các yêu cầu cụ thể (3.2.6.2) cho phép 1 thang với các nhóm nhà khác nhau. Bổ sung yêu cầu an toàn cháy khác thay thế cho sprinkler.</li> <li>✓ 對F1.1補充逃生樓梯寬度之要求Bổ sung yêu cầu đối với chiều rộng các thang thoát nạn đối với nhóm F1.1 nhỏ hơn</li> <li>✓ 增加補充樓梯分散距離計算方法Bổ sung thêm một cách tính toán khoảng cách phân tán thang</li> <li>✓ 對隔壁走廊不要求保護耐火分隔牆壁。補充60公尺走廊分隔措施Không yêu cầu bảo vệ chịu lửa tường ngăn đối với hành lang bên. Bổ sung giải pháp đối với ngăn chia hành lang 60 m.</li> <li>✓ 對所有建築物種類，倘不能保護逃生路線者，補充要求Bổ sung các yêu cầu trong trường hợp không bảo vệ đường thoát nạn đối với tất cả các nhóm nhà</li> <li>✓ 完善材料：提出選擇：1)適用燒燃技術特性，2)不完全適用(有sprinkler)，3)完全不適用(覆蓋房間、自動火災警報器)Vật liệu hoàn thiện: Đưa ra các lựa chọn: 1) áp dụng các đặc tính kỹ thuật về cháy; 2) Không áp dụng đầy đủ (có sprinkler); 3) Hoàn toàn không áp dụng (bao che gian phòng, báo cháy tự động)</li> <li>✓ 對沒有自然採光之一般的樓梯，補充解決措施Bổ sung giải pháp cho buồng thang bộ thông thường không có chiếu sáng tự nhiên.</li> </ul>

# III. 審查內容摘要

## TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SOÁT XÉT

IV	第4部分：防止火災蔓延 Phần 4. Ngăn chặn cháy lan	
1	混和功能與個別功能 Công năng hỗn hợp và công năng tách biệt	<ul style="list-style-type: none"><li>✓ 功能分隔：每個功能適用不同安全要求 Ngăn cách công năng: áp dụng yêu cầu an toàn cháy cho từng công năng.</li><li>✓ 不分隔：以最高要求功能適用 Không ngăn cách: áp dụng theo công năng có yêu cầu cao nhất.</li></ul>
2	消防局離及建築物外火災蔓延防止 Khoảng cách phòng cháy chống cháy và chống cháy lan theo mặt ngoài nhà.	說明附錄E、第4表適用措施及建築物外火災蔓延防止要求 Làm rõ cách áp dụng phụ lục E, bảng 4 và các yêu cầu chống cháy lan theo mặt ngoài nhà.

# III. 審查內容摘要

## TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SOÁT XÉT

V	第5部分：供水消防Phần 5. Cấp nước chữa cháy	
1	供水至建築物內外消防Cấp nước chữa cháy trong nhà và ngoài nhà	<ul style="list-style-type: none"><li>✓ 說明使用現有多種水源供水之消防措施Viết rõ hơn về các giải pháp cấp nước chữa cháy theo hướng kết hợp nhiều nguồn nước sẵn có.</li><li>✓ 考量建築物外供水消防之要求：對小型建築物或D、E類工廠，建議消防警察局減少建築物外消防水流量及時間；對小型建築物(5,000立方公尺)或低度火災風險之工業專用建築物，考量減少或撤除供水消防屋內之要求Xem xét các yêu cầu cấp nước chữa cháy ngoài nhà: kiến nghị Cục CS PCCC giảm thời gian và lưu lượng nước chữa cháy ngoài nhà đối với các công trình nhỏ, hoặc nhà sản xuất hạng D, E. Xem xét giảm hoặc bỏ yêu cầu cấp nước chữa cháy trong nhà đối với nhà nhỏ (dưới 5000 m<sup>3</sup>) hoặc nhà công nghiệp hạng cháy nổ thấp.</li><li>✓ 建議越南公安部研議修正TCVN 7336 及TCVN 3890標準之相關類型 Đề nghị Bộ CA xem xét, sửa đổi TCVN 7336 và TCVN 3890 cho các loại hình này.</li></ul>

# III. 審查內容摘要

## TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SOÁT XÉT

VI	第6部分：消防及救難 Phần 6. Chữa cháy và cứu nạn	
		<ul style="list-style-type: none"><li>✓ 倘不保證樓梯距離100mm者，應補充其他要求 Bổ sung yêu cầu khác trong trường hợp không đảm bảo khoảng cách về thang 100 mm</li><li>✓ 說明防火值班室逃生路線之要求 Làm rõ yêu cầu về lối thoát nạn đối với phòng trực chống cháy</li><li>✓ 說明 屋頂欄桿僅適用於屋頂設計供人類使用之情況 Làm rõ Lan can trên mái chỉ áp dụng khi mái được thiết kế để người sử dụng</li></ul>

# III. 審查內容摘要

## TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SOÁT XÉT

VII	第7部分：執行 Phần 7. Tổ chức thực hiện	
		✓ 進一步說明過度條款Làm rõ hơn điều khoản chuyển tiếp

# III. 審查內容摘要

## TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SOÁT XÉT

VIII	附錄 Các phụ lục	
1	附錄A Phụ lục A	<ul style="list-style-type: none"><li>✓ 修改高層貨架一層倉庫規定 Sửa quy định về nhà kho 1 tầng với giá đỡ cao tầng</li><li>✓ 消防電梯大堂 Sảnh thang máy chữa cháy</li><li>✓ 補充分散庇護方案 Bổ sung phương án lánh nạn phân tán</li><li>✓ 撤除 Karaoke 附錄 Bỏ phụ lục riêng về Karaoke (A.4)</li></ul>
2	附錄C：火災分級 Phụ lục C: Phân hạng cháy nổ	簡介火災分級標準、燒燃程度技術資料 Viện dẫn tới các TC về phân hạng cháy nổ, tài liệu kỹ thuật về tải trọng cháy
3	附錄D：防煙保護 Phụ lục D: Bảo vệ chống khói	<ul style="list-style-type: none"><li>✓ 進一步說明若干設計要求 Làm rõ hơn một số yêu cầu đối với thiết kế</li><li>✓ 撤除 IV 級 D、E 類廠房排煙設計要求 Bỏ yêu cầu thiết kế hút khói đối với nhà xưởng D, E bậc IV</li></ul>

# III. 審查內容摘要

## TÓM LƯỢC CÁC NỘI DUNG SOÁT XÉT

VIII	附錄 Các phụ lục	
4	附錄E：消防距離 Phụ lục E: khoảng cách phòng cháy chống cháy	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ 說明附錄E適用方案 Làm rõ phương án áp dụng phụ lục E</li> <li>✓ 在F1.1、F4.1組適用添加火災面積之方法時補充要求 Bổ sung yêu cầu khi áp dụng phương pháp cộng khoang cháy đối với nhóm F1.1, F4.1</li> </ul>
5	附錄H：火災區面積與層樓 Phụ lục H: Diện tích khoang cháy và số tầng cao	<ul style="list-style-type: none"> <li>✓ 對高度超過28公尺之醫院、診所、高度超過5層樓之學校等對象，補充具體要求 Bổ sung các yêu cầu cụ thể đối với bệnh viện, phòng khám có chiều cao vượt 28 m. Trường học có chiều cao hơn 5 tầng.</li> <li>✓ 對IV級C、D、E類倉庫、工廠等對象補充要求 Bổ sung yêu cầu đối với nhà sản xuất, nhà kho hạng C, D, E cao tầng bậc IV.</li> <li>✓ 說明1間房屋之各功能安排 Làm rõ cách bố trí các công năng khác nhau của một nhà</li> </ul>

### III. 工業專用建築物消防安全設計之一些內容

## MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ THIẾT KẾ AN TOÀN CHÁY NHÀ CÔNG NGHIỆP

Tk an toàn cháy nhà công  
nghiệp 工業專用建築物消  
防安全設計

火災分級 Phân hạng cháy nổ

保護耐火鋼鐵結構 Bảo vệ kết cấu  
thép chịu lửa

防止火災蔓延 Ngăn chặn cháy lan

保護防煙 Bảo vệ chống khói

供水及接近現場消防 Cấp nước và  
tiếp cận chữa cháy



### III. 工業專用建築物消防安全設計之一些內容

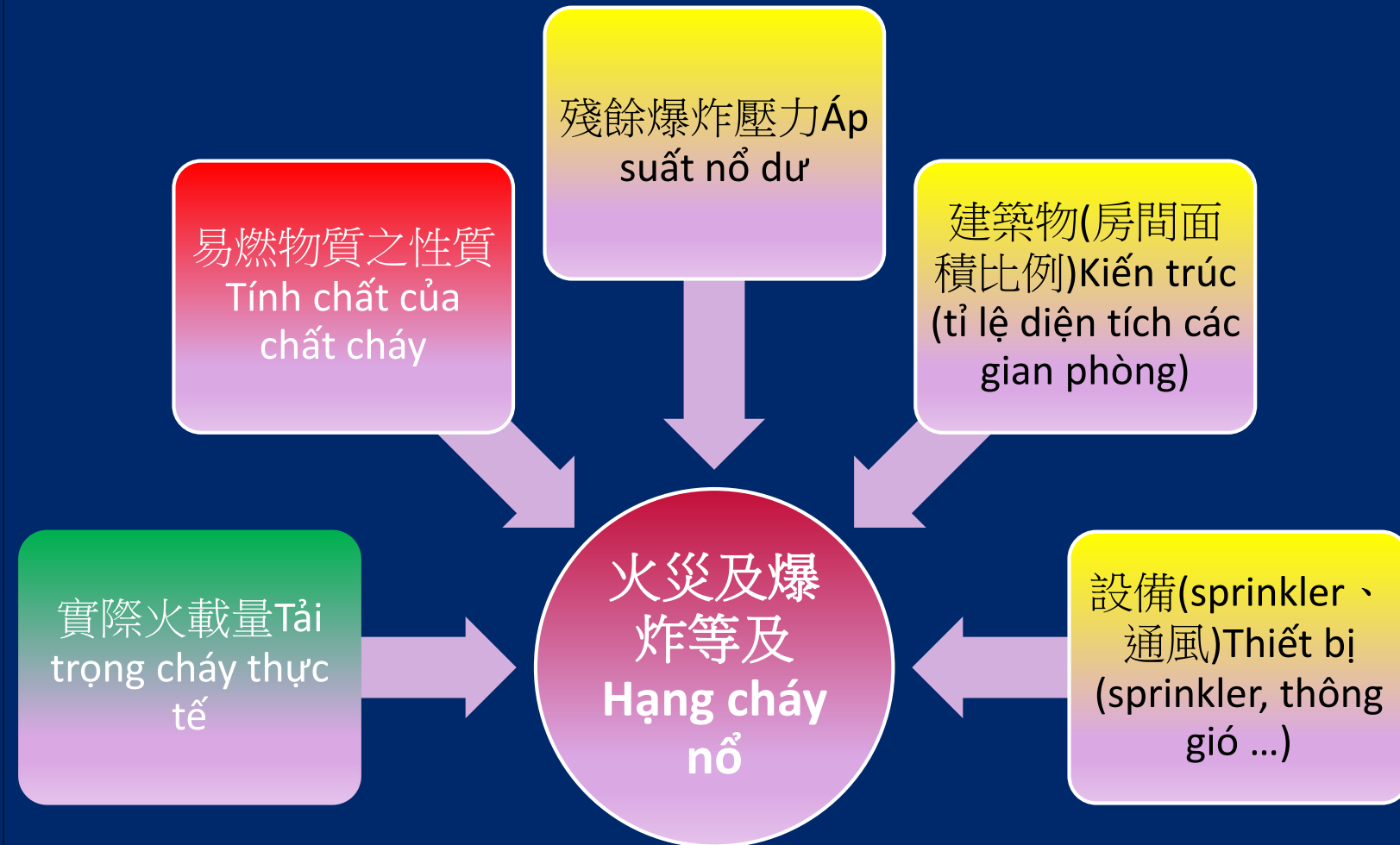
## MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ THIẾT KẾ AN TOÀN CHÁY NHÀ CÔNG NGHIỆP



火災分等級是工業專用建築物之最重要要求 **Phân hạng cháy nổ là yêu cầu quan trọng hàng đầu** đối với nhà công nghiệp.

### III.工業專用建築物消防安全設計之一些內容

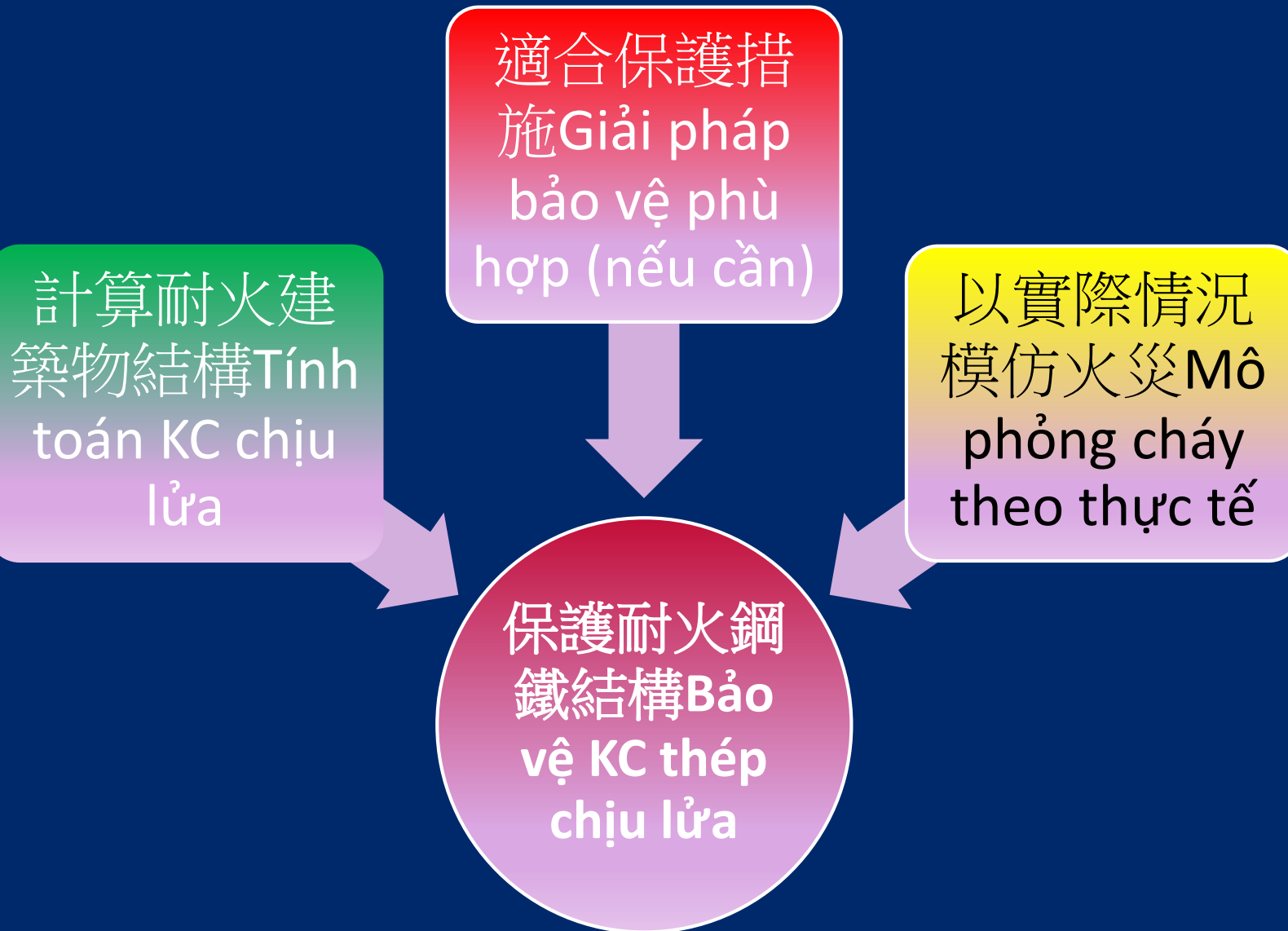
## MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ THIẾT KẾ AN TOÀN CHÁY NHÀ CÔNG NGHIỆP



1. 準確分等級可增加火災分區面積、減少建築物結構保護、消防系統等費用  
Phân hạng đúng: có thể tăng diện tích khoang cháy, giảm chi phí bảo vệ kết cấu, chi phí hệ thống PCCC.
2. 分等級錯誤可導致消防系統投資成本增加  
Phân hạng sai sẽ dẫn đến **chênh lệch chi phí đầu tư PCCC** rất lớn.
3. 以PL C QC 06 及 TC標準分等級(注意該標準提供之分等級列表名錄僅是供參資料)  
Phân hạng theo PL C QC 06 và TC phân hạng (lưu ý danh mục phân hạng cho sẵn chỉ là tham khảo)

### III. 工業專用建築物消防安全設計之一些內容

## MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ THIẾT KẾ AN TOÀN CHÁY NHÀ CÔNG NGHIỆP



#### 1. 準確設計 **Thiết kế đúng:**

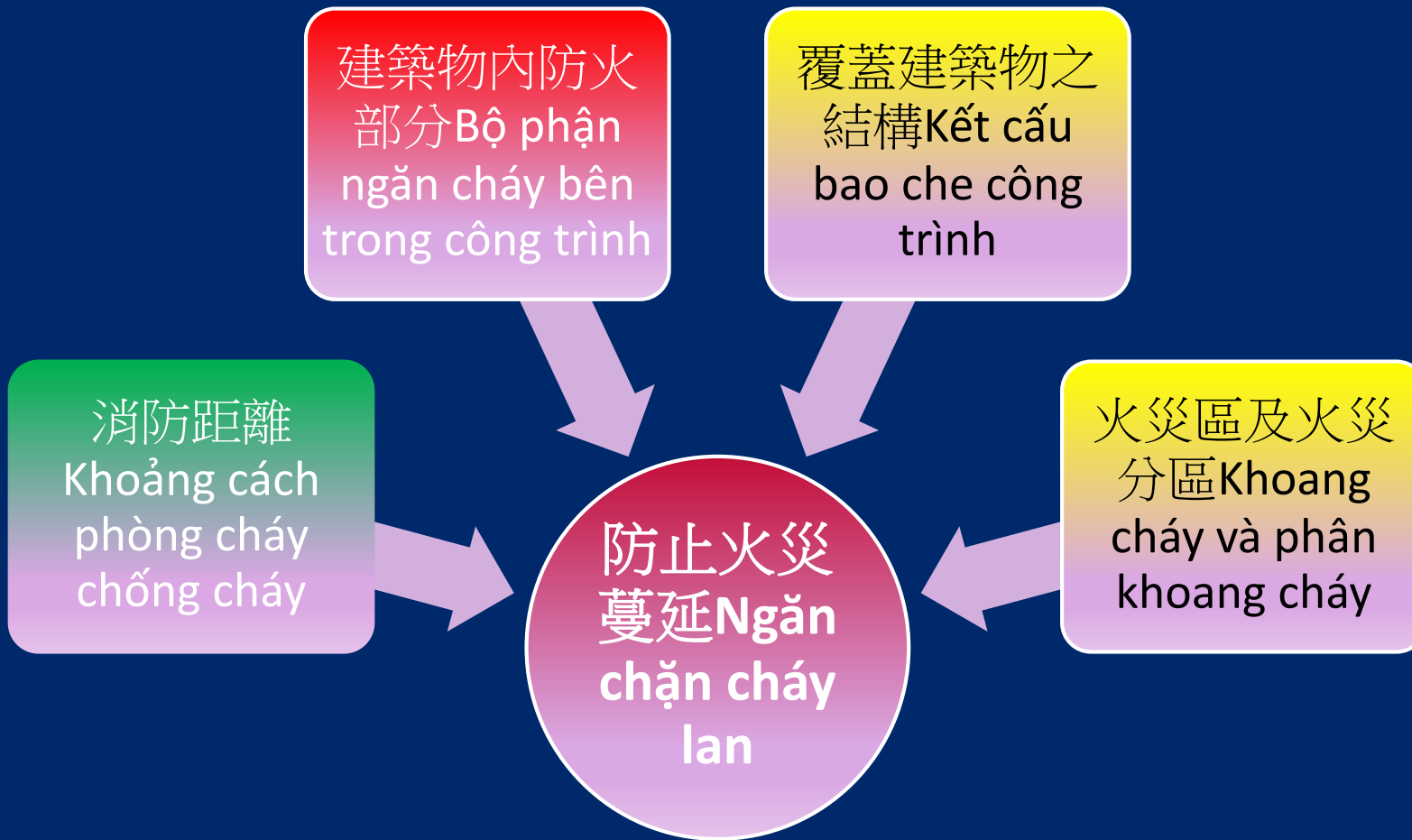
- 不須保護耐火鋼鐵結構或合理經費保護 Không cần bảo vệ KC thép chịu lửa hoặc bảo vệ với chi phí hợp lý.
- 準確選擇保護措施=>合理費用、快速順利施工及驗收消防 Lựa chọn chuẩn xác giải pháp bảo vệ => chi phí hợp lý, thi công và nghiệm thu PCCC nhanh chóng, thuận lợi.

#### 2. 不準確設計 **Thiết kế chưa đúng:**

- 投資案緩慢或拖延停止 Chậm trễ, thậm chí đình trệ dự án.
- 難以提出解決措施、經費很高 Khó có giải pháp khắc phục. Chi phí cao.

# III. 工業專用建築物消防安全設計之一些內容

## MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ THIẾT KẾ AN TOÀN CHÁY NHÀ CÔNG NGHIỆP



### 1. 準確設計Thiết kế đúng:

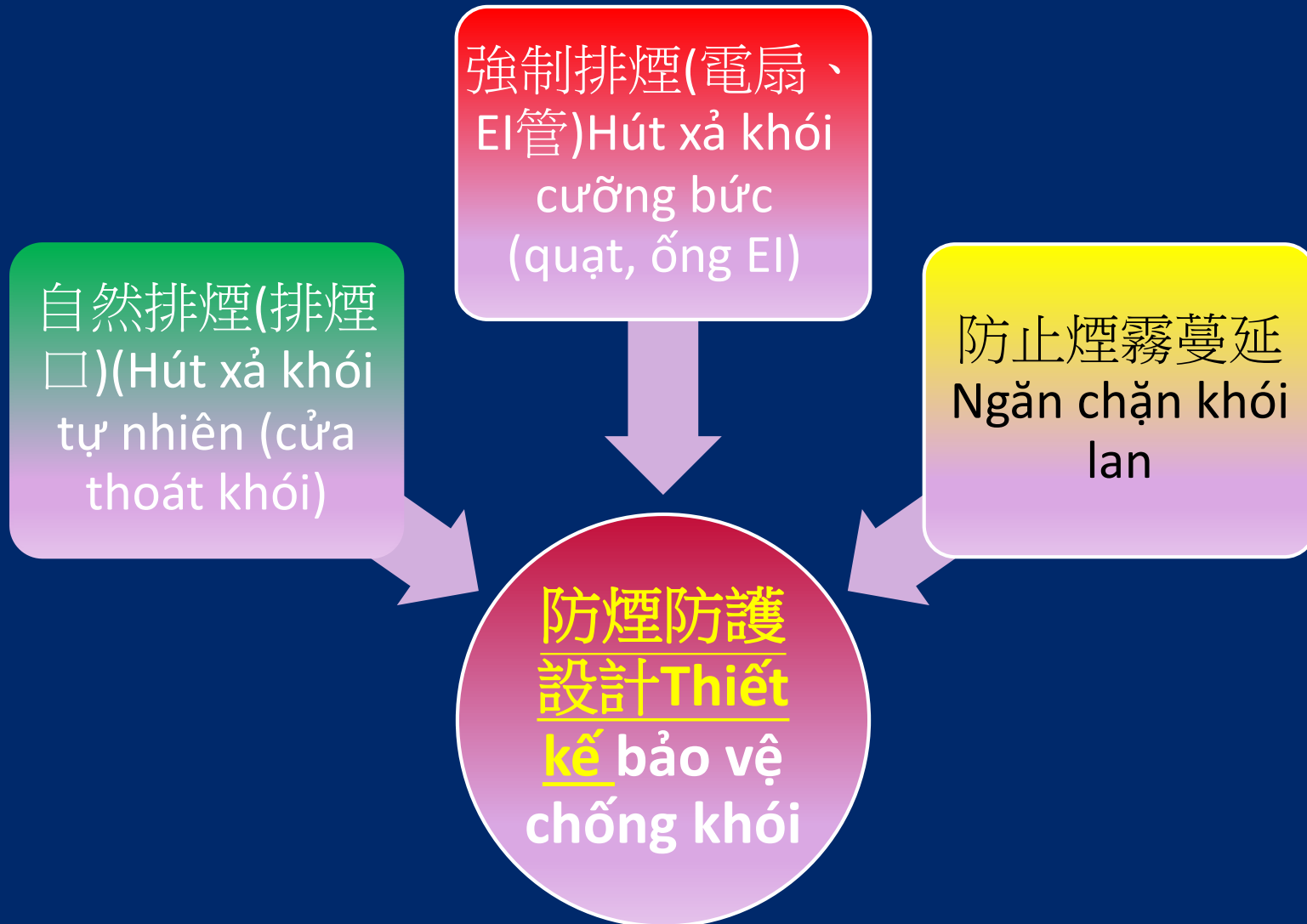
- 建築物工程之間距離合理Khoảng cách giữa các công trình phù hợp;
- 確保生產面積Đảm bảo diện tích sản xuất;
- 建築物工程防火部分及覆蓋之結構經費合理 (牆壁、門等)Chi phí hợp lý cho các KC bao che và bộ phận ngăn cháy trong công trình (tường, vách, cửa ...).
- 順利施工及驗收Thi công và nghiệm thu thuận lợi.

### 2. 不準確設計Thiết kế chưa đúng:

- 投資案緩慢或拖延停止Chậm trễ, thậm chí đình trệ dự án.
- 難以提出解決措施、經費很高Khó có giải pháp khắc phục. Chi phí cao.

### III. 工業專用建築物消防安全設計之一些內容

## MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ THIẾT KẾ AN TOÀN CHÁY NHÀ CÔNG NGHIỆP



#### 1. 準確設計 Thiết kế đúng:

- 建築物工程可適用自然排煙系統、無需整個風扇和 EI 管道系統 Những công trình có thể áp dụng hút xả khói tự nhiên: không cần toàn bộ hệ thống quạt, ống EI.
- 強制排煙系統：提出適合措施以減少 I 管道之指標 I 或 EI => 減少費用 Hút xả khói cưỡng bức: có giải pháp phù hợp để giảm chỉ tiêu I hoặc EI của ống => giảm đáng kể chi phí.
- 確保人員逃生要求 Đảm bảo yêu cầu thoát nạn cho người.

#### 2. 不準確設計 Thiết kế chưa đúng:

- 經費高、不合理 Chi phí lớn, không hợp lý.

### III.工業專用建築物消防安全設計之一些內容

## MỘT SỐ NỘI DUNG VỀ THIẾT KẾ AN TOÀN CHÁY NHÀ CÔNG NGHIỆP



#### 1. 準確設計 Thiết kế đúng:

- 設置適合的設備及蓄水池 Bố trí bể nước và các thiết bị phù hợp.
- 設立建築物內外道路及設置適合的高架入口 Định hình giao thông trong, ngoài nhà và bố trí các lối vào trên cao phù hợp.

#### 2. 不準確設計 Thiết kế chưa đúng:

- 可增加大額費用設置蓄水池，甚至無法設置 Có thể tốn chi phí lớn cho bể, thậm chí không bố trí được.
- 建築物外交通不方便 Vương về giao thông ngoài nhà.

## IV. 若干建議

# MỘT SỐ NHẬN XÉT, KIẾN NGHỊ

1. 火災安全及QC 06標準受越南全國特別關切Vấn đề an toàn cháy và QC 06 được sự quan tâm đặc biệt trên cả nước.
2. 越南建設部、公安部積極聆聽接受各界意見，研議修改QC 06規範。修改原則是補充其他方案，不降低核心安全要求 Bộ XD, Bộ CA rất nghiêm túc, cầu thị tiếp thu các ý kiến, nghiên cứu sửa đổi QC 06. Nguyên tắc là bổ sung các phương án khác, không hạ thấp yêu cầu an toàn cốt lõi.
3. 平衡經濟、技術以及安全因素並不容易。以原定方向之規範=>有意願轉向至技術論證，分級給地方 Việc cân bằng các yếu tố kinh tế, kỹ thuật và an toàn là không dễ. =>QC theo hướng “tiền định” => có hướng chuyển đổi sang luận chứng kỹ thuật, phân cấp cho địa phương.
4. 投資者Đối với CĐT:
  - a. 自設計階段就需要考量消防安全 Cần quan tâm vấn đề an toàn cháy ngay từ khâu thiết kế.
  - b. 尋找具經驗之適合諮詢、施工單位 Tìm đơn vị tư vấn, đơn vị thi công có chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp.
  - c. 施工須符合已獲審核之設計 Thi công phải phù hợp với hồ sơ thiết kế đã được thẩm duyệt.
  - d. 依法規定選擇經認可之消防設備、材料以及零件。 Lựa chọn các phương tiện PCCC, vật liệu, cấu kiện đã được công nhận theo quy định pháp luật.
  - e. 依設計驗收文件開採使用，經常檢查維持系統 Khai thác sử dụng đúng với hồ sơ thiết kế, nghiệm thu. Thường xuyên kiểm tra, duy trì hệ thống.

**謝謝!**

**報告人：消防警察局消防審核科副科長陳海南**

**XIN TRÂN TRỌNG CẢM ƠN!**

**Người báo cáo: Trần Hải Nam, Phó trưởng phòng Thẩm duyệt về PCCC Cục Cảnh sát PCCC và CNCH**

**Điện thoại: 0983899282**

**Email: hainamc23bca@gmail.com**